

Mẫu số 01-B

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
CÔNG TY CP  
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 992/TVĐ3-TCKT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 3 năm 2026

## CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Thực hiện quy định tại khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Tư vấn xây dựng điện 3 thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) năm 2025 được kiểm toán với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

**1. Tên tổ chức:**

- Mã chứng khoán: TV3
- Địa chỉ: 32 Ngô Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh
- Điện thoại liên hệ/Tel: 028.222.111.69 Fax: 028.393.079.38
- Email: [pecc3@pecc3.com.vn](mailto:pecc3@pecc3.com.vn) Website: [www.pecc3.com.vn](http://www.pecc3.com.vn)



**2. Nội dung thông tin công bố:**

- BCTC năm 2025 được kiểm toán
  - ☐ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);
  - ☐ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);
  - ☒ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).
- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:
  - + Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC đã được soát xét/kiểm toán...):
    - ☐ Có ☒ Không
  - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
    - ☐ Có ☐ Không
  - + Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán):
    - ☒ Có ☐ Không
  - Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:
    - ☒ Có ☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 12/3/2026 tại đường dẫn: <https://www.pecc3.com.vn/quan-he-co-dong/bao-cai-tai-chinh/>

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2025: Không.

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:

- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất):

- Ngày hoàn thành giao dịch:

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

**Tài liệu đính kèm:**

- BCTC năm 2025 được kiểm toán;
- Văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận so với cùng kỳ năm trước của báo cáo tài chính tổng hợp;
- Văn bản giải trình chênh lệch lợi nhuận trước và sau kiểm toán của báo cáo tài chính tổng hợp.



**Phạm Trần Quốc Việt**

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025**

Tháng 3 năm 2026



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP	8
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP	9 - 34





## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn	Chủ tịch
Ông Lạc Thái Phước	Thành viên
Ông Trần Quốc Điền	Thành viên
Ông Trần Lê Minh	Thành viên
Ông Võ Văn Phương	Thành viên độc lập

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Lạc Thái Phước	Tổng Giám đốc
Ông Trần Quốc Điền	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Lê Minh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Công Thắng	Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Trương Thị Anh Đào	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Văn Thiện	Thành viên
Bà Tô Thị Mỹ Hằng	Thành viên

#### **Người đại diện pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Lạc Thái Phước - Tổng Giám đốc.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính tổng hợp phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính tổng hợp hay không;
- Lập Báo cáo tài chính tổng hợp trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

**TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP THEO)**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính tổng hợp của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



**Lạc Thái Phước**  
**Tổng Giám đốc**

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2026



Số: 046 /VACO/BCKiT.NV2

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông**  
**Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc**  
**Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 09 tháng 3 năm 2026, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tổng hợp tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp (gọi chung là “Báo cáo tài chính tổng hợp”).

### **Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính tổng hợp theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính tổng hợp dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính tổng hợp. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính tổng hợp do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính tổng hợp.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

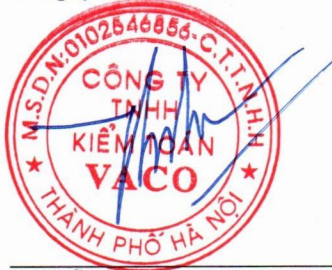
Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính tổng hợp đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính tổng hợp của Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện 3 tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và tình hình lưu chuyển tiền tệ tổng hợp cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.



## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP THEO)

*Vấn đề cần nhấn mạnh*

Chúng tôi lưu ý đến Thuyết minh số 34, Phần Thuyết minh Báo cáo tài chính tổng hợp về các khoản Nợ tiềm tàng của Công ty. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không liên quan đến vấn đề này.



**Nguyễn Ngọc Thạch**  
**Phó Tổng Giám đốc**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 1822-2023-156-1  
**Thay mặt và đại diện cho**  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO**  
Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2026

**Lê Bình Phương**  
**Kiểm toán viên**  
Giấy CN ĐKHN Kiểm toán số: 5914-2023-156-1

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>175.993.011.357</b>	<b>153.531.070.963</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>4</b>	<b>24.456.232.360</b>	<b>38.941.438.605</b>
1. Tiền	111		15.916.232.360	38.941.438.605
2. Các khoản tương đương tiền	112		8.540.000.000	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>220.790.000</b>	<b>220.790.000</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121		220.790.000	220.790.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>105.940.677.181</b>	<b>75.993.606.777</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	127.648.851.805	93.246.108.463
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	3.549.217.721	5.997.404.000
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	11.500.815.809	9.271.447.616
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	9	(36.758.208.154)	(32.521.353.302)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>44.222.481.774</b>	<b>36.644.472.446</b>
1. Hàng tồn kho	141		44.222.481.774	36.644.472.446
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>1.152.830.042</b>	<b>1.730.763.135</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	11	1.152.796.190	1.034.230.882
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	679.086.399
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	17	33.852	17.445.854
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>113.754.234.956</b>	<b>112.132.228.569</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>40.781.607.187</b>	<b>44.385.393.998</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	6	40.148.607.187	39.784.897.118
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	633.000.000	4.600.496.880
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>13.245.953.475</b>	<b>12.589.844.510</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	12	5.497.772.652	4.534.550.927
- Nguyên giá	222		53.727.401.586	56.062.330.320
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(48.229.628.934)	(51.527.779.393)
2. Tài sản cố định vô hình	227	13	7.748.180.823	8.055.293.583
- Nguyên giá	228		21.284.885.526	21.284.885.526
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(13.536.704.703)	(13.229.591.943)
<b>III. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>4.039.522.963</b>	<b>1.371.972.000</b>
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	4.039.522.963	1.371.972.000
<b>IV. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>53.150.000.000</b>	<b>53.150.000.000</b>
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		53.150.000.000	53.150.000.000
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>2.537.151.331</b>	<b>635.018.061</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	11	2.537.151.331	635.018.061
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>289.747.246.313</b>	<b>265.663.299.532</b>



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**  
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>124.311.760.574</b>	<b>110.945.577.994</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>124.311.760.574</b>	<b>110.945.577.994</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	13.505.769.129	15.358.347.515
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	33.586.695.393	29.084.508.672
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	4.004.664.753	3.169.075.355
4. Phải trả người lao động	314		48.944.282.600	20.229.493.940
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	6.055.209.027	305.842.352
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	19	10.993.286.605	12.891.722.240
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	20	1.652.600.000	23.437.501.253
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		5.569.253.067	6.469.086.667
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>165.435.485.739</b>	<b>154.717.721.538</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>21</b>	<b>165.435.485.739</b>	<b>154.717.721.538</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		95.173.030.000	95.173.030.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		95.173.030.000	95.173.030.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(140.000)	(140.000)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		39.056.000.000	35.530.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.206.595.739	24.014.831.538
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		14.257.187.038	12.261.204.487
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		16.949.408.701	11.753.627.051
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)</b>	<b>440</b>		<b>289.747.246.313</b>	<b>265.663.299.532</b>



**Lạc Thái Phước**  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2026

**Phạm Hoàng Vinh**  
Kế toán trưởng

**Nguyễn Trần Phương Thúy**  
Người lập biểu



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		315.440.416.886	185.085.686.110
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		55.625.412	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	24	315.384.791.474	185.085.686.110
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	25	229.420.941.962	133.064.363.995
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		85.963.849.512	52.021.322.115
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	14.271.948.909	11.321.324.671
7. Chi phí tài chính	22	28	2.562.862.517	1.905.412.428
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		853.477.559	832.865.078
8. Chi phí bán hàng	25	29	21.387.750.882	9.665.228.337
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	56.343.098.235	38.367.537.246
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		19.942.086.787	13.404.468.775
11. Thu nhập khác	31		580.117.005	836.456.147
12. Chi phí khác	32		575.255.565	1.209.898.057
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		4.861.440	(373.441.910)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		19.946.948.227	13.031.026.865
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	30	2.997.539.526	1.277.399.814
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51)	60		16.949.408.701	11.753.627.051
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	31	1.603	1.080



Lạc Thái Phước  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2026

Phạm Hoàng Vinh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thúy  
Người lập biểu



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**  
*(Theo phương pháp gián tiếp)*  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	19.946.948.227	13.031.026.865
2. Điều chỉnh cho các khoản			
- Khấu hao tài sản cố định	02	2.252.897.248	2.920.831.780
- Các khoản dự phòng	03	(4.236.854.852)	(454.446.760)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(316.640.534)	(401.143.558)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(13.601.811.116)	(10.884.982.146)
- Chi phí lãi vay	06	853.477.559	832.865.078
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	4.898.016.532	5.044.151.259
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(21.593.826.101)	26.762.153.286
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(7.578.009.328)	3.271.699.144
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	35.243.800.599	(23.595.622.859)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(2.020.698.578)	433.374.213
- Tiền lãi vay đã trả	14	(853.477.559)	(832.865.078)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(2.680.438.218)	(2.471.073.008)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.372.833.600)	(767.626.440)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	3.042.533.747	7.844.190.517
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ	21	(4.870.210.250)	(1.127.908.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ	22	293.750.169	90.909.091
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	13.306.922.058	10.813.731.388
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.730.461.977	9.776.732.479
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1. Tiền thu từ đi vay	33	24.021.063.107	38.432.876.221
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(45.805.964.360)	(36.081.834.749)
3. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(4.717.179.900)	(7.202.000.725)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(26.502.081.153)	(4.850.959.253)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm ( $50 = 20 + 30 + 40$ )	50	(14.729.085.429)	12.769.963.743
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	38.941.438.605	26.229.294.323
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	243.879.184	(57.819.461)
Tiền và tương đương tiền cuối năm ( $70 = 50 + 60 + 61$ )	70	24.456.232.360	38.941.438.605



Lạc Thái Phước  
Tổng Giám đốc  
TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2026

Phạm Hoàng Vinh  
Kế toán trưởng

Nguyễn Trần Phương Thủy  
Người lập biểu



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT****Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 (gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Công ty Tư vấn Xây dựng Điện 3 theo Quyết định số 335/QĐ-BCN ngày 26 tháng 01 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Hiện tại, Công ty hoạt động theo Giấy Chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0301475102 đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 11 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp và Giấy Chứng nhận đăng ký thay đổi lần 16 ngày 26 tháng 8 năm 2025.

Vốn điều lệ của Công ty là: 95.173.030.000 VND, chia thành 9.517.303 cổ phần với mệnh giá là 10.000 VND/cổ phần.

Ngày 01 tháng 12 năm 2009, Công ty đã chính thức niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là TV3.

Tổng số nhân viên Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 384 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 393 người).

**Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính của Công ty bao gồm:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Kiểm định chất lượng xây dựng; chứng nhận đủ điều kiện đảm bảo an toàn chịu lực và chứng nhận sự phù hợp chất lượng công trình xây dựng. Đo đạc bản đồ và vẽ bản đồ địa chính. Lập quy hoạch các dự án đầu tư, phát triển điện lực. Lập báo cáo đầu tư, dự án đầu tư; lập hồ sơ mời thầu, hồ sơ đấu thầu dự án các nhà máy điện (thủy - nhiệt điện - nguồn và lưới điện), dự án xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, dự án năng lượng tái tạo (năng lượng gió, năng lượng mặt trời, khí sinh học, địa nhiệt), dự án đường dây tải điện và trạm biến áp. Lập tổng dự toán công trình. Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình nguồn và lưới điện, thí nghiệm mẫu đất, đá, cát, nước, kết cấu bê tông, thép và vật liệu xây dựng. Thử nghiệm và nghiệm thu các công trình nhà máy thủy điện - nhiệt điện, công trình đường dây tải điện và trạm biến áp, các công trình xây dựng. Thi công khoan phụt bê tông, xử lý nền móng công trình xây dựng. Khảo sát địa chất xây dựng công trình, thiết kế đo đạc địa hình công trình. Thiết kế công trình điện năng (nhà máy điện, đường dây tải điện, trạm biến thế); Thiết kế công trình thủy lợi (đập, đường hầm, cống, kênh tưới, công trình bảo vệ bờ sông). Thiết kế tổng mặt bằng xây dựng công trình; thiết kế kiến trúc công trình dân dụng và công nghiệp; thiết kế kết cấu công trình dân dụng, công nghiệp. Giám sát thi công xây dựng công trình thủy lợi, thủy điện; Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng và công nghiệp. Giám sát công tác khảo sát địa chất công trình. Giám sát công tác lắp đặt phần điện công trình công nghiệp. Giám sát công tác phần điện và thiết bị điện công trình đường dây và trạm biến áp. Tư vấn quản lý dự án. Thiết kế hệ thống thông tin liên lạc công trình dân dụng và công nghiệp. Thẩm tra thiết kế công trình. Tư vấn lập hồ sơ: Đề án giải phóng mặt bằng, di dân tái định canh, định cư các công trình nguồn, lưới điện và các công trình xây dựng khác. Thiết kế xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật. Thiết kế công trình đường bộ. Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình cấp thoát nước theo tuyến. Giám sát xây dựng và hoàn thiện công trình đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện công trình giao thông cầu - đường bộ. Giám sát công tác xây dựng và hoàn thiện: Công trình hạ tầng kỹ thuật;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Lập hồ sơ đánh giá tác động môi trường;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Đầu tư xây dựng kinh doanh công trình nguồn điện, công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, thủy điện;
- Chuẩn bị mặt bằng. Chi tiết: Khoan thăm dò, kiểm tra lấy mẫu thử để đo chỉ tiêu vật lý, địa chất;
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Kiểm định chất lượng công trình. Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông, kết cấu, vật liệu xây dựng. Khoan phun chống thấm, gia cố xử lý nền móng công trình xây dựng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản;



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (TIẾP THEO)****Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)**

- Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Gia công chế tạo, lắp đặt các thiết bị điện sinh hoạt và công nghiệp (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện).

**Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

**Cấu trúc doanh nghiệp**

*Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc:*

Tên đơn vị	Địa chỉ	Hoạt động chính
Chi nhánh miền Trung	Đường 23/10 KDC Tây Cầu Dừa, Phường Tây Nha Trang, Tỉnh Khánh Hòa	Tư vấn, khảo sát, thiết kế
Xí nghiệp Khảo sát và Xây dựng Điện	32 Ngõ Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa, Thành phố Hồ Chí Minh	Tư vấn, khảo sát, thiết kế

**2. NĂM TÀI CHÍNH, CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

**Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư sửa đổi bổ sung số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính tổng hợp**

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

**Hướng dẫn kế toán mới đã ban hành nhưng chưa áp dụng**

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC (“Thông tư 99”) hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2026 và áp dụng cho năm tài chính bắt đầu từ hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư này thay thế cho các Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 75/2015/TT-BTC ngày 18 tháng 5 năm 2015 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Điều 128 Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 về sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính. Ban điều hành Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư 99 đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Cơ sở lập Báo cáo tài chính tổng hợp**

Báo cáo tài chính tổng hợp được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

Các đơn vị trực thuộc có tổ chức công tác kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính tổng hợp của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Giao dịch nội bộ và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.

Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp.

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính tổng hợp tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính tổng hợp yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính tổng hợp cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Đánh giá và ghi nhận theo giá trị hợp lý**

Luật Kế toán đã có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2017, trong đó bao gồm quy định về Đánh giá và Ghi nhận theo giá trị hợp lý, tuy nhiên chưa có hướng dẫn cụ thể cho vấn đề này; theo đó, Ban Tổng Giám đốc đã xem xét và áp dụng như sau:

- Đầu tư tài chính được ghi nhận và đánh giá lại theo giá trị hợp lý trên cơ sở giá gốc trừ đi các khoản dự phòng cần trích lập (nếu có) theo quy định hiện hành;*
- Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá theo tỷ giá giao dịch thực tế;*
- Đối với tài sản và nợ phải trả (ngoài mục a và b trên đây), Công ty không có cơ sở để xác định được giá trị một cách đáng tin cậy, do đó, Công ty đang ghi nhận theo giá gốc.*

**Công cụ tài chính****Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng, phải thu khác, các khoản đầu tư tài chính.

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả và các khoản vay.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn và các khoản tiền gửi có kỳ hạn không quá 03 tháng.

**Các khoản đầu tư tài chính*****Chứng khoán kinh doanh***

Chứng khoán kinh doanh là các khoản chứng khoán được Công ty nắm giữ với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận bắt đầu từ ngày Công ty có quyền sở hữu và được xác định giá trị ban đầu theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Tại các năm tài chính tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo giá gốc trừ các khoản giảm giá chứng khoán kinh doanh.

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá gốc. Việc xác định giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh niêm yết trên thị trường chứng khoán hoặc được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày kết thúc năm tài chính. Trường hợp tại ngày kết thúc năm tài chính, thị trường chứng khoán hay sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của chứng khoán là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

***Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo giá gốc trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

**Nợ phải thu**

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá xuất của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

**Các khoản trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

*Công cụ, dụng cụ:* Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

*Chi phí phần mềm:* Chi phí phần mềm được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa, vật kiến trúc	12 - 25
Máy móc, thiết bị	05 - 06
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao****Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất vô thời hạn thì không trích khấu hao.

**Phần mềm máy tính**

Phần mềm máy tính được ghi nhận ban đầu theo giá mua và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

**Ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được phản ánh là số vốn Điều lệ thực góp của các cổ đông.

Phân phối lợi nhuận của Công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại Hội đồng cổ đông, quy định của Quy chế quản lý tài chính của Công ty.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP THEO)****Chi phí đi vay**

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp khi phát sinh.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Báo cáo tài chính tổng hợp và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tổng hợp và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

**Bên liên quan**

Tập đoàn Điện lực Việt Nam

Công ty TNHH VP INVEST

Bà Bùi Thị Kim Yển

Các Công ty con, Công ty liên kết, đơn vị trực thuộc của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và các đơn vị thành viên

Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát, và Kế toán trưởng

**Mối quan hệ**

Cổ đông lớn

Cổ đông lớn

Cổ đông lớn

Bên liên quan của cổ đông lớn

Quản lý chủ chốt



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**

Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa  
Thành phố Hồ Chí Minh

**MẪU SỐ B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	342.088.197	283.247.563
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	15.574.144.163	38.658.191.042
Các khoản tương đương tiền	8.540.000.000	-
Tiền gửi có kỳ hạn không quá 3 tháng (i)	8.540.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b>24.456.232.360</b>	<b>38.941.438.605</b>

(i) Đây là khoản tiền gửi tại các Ngân hàng:

- Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Lào với kỳ hạn 03 tháng và lãi suất 8,6%/năm;
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh với kỳ hạn 01 tháng và lãi suất 3,6%/năm.

**5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Chứng khoán kinh doanh</b>	<b>220.790.000</b>	<b>1.580.018.400</b>	-	<b>220.790.000</b>	<b>1.798.872.300</b>	-
Công ty Cổ phần Thủy Điện Miền Trung (i)	220.790.000	1.580.018.400	-	220.790.000	1.798.872.300	-
<b>b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>53.150.000.000</b>	<b>8.284.500.000</b>	-	<b>53.150.000.000</b>	<b>6.867.000.000</b>	-
Công ty Cổ phần EVN Quốc tế (ii)	3.150.000.000	8.284.500.000	-	3.150.000.000	6.867.000.000	-
Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình (iii)	50.000.000.000	(*)	-	50.000.000.000	(*)	-
<b>Cộng</b>	<b>53.370.790.000</b>	<b>9.864.518.400</b>	-	<b>53.370.790.000</b>	<b>8.665.872.300</b>	-

**Ghi chú:**

- (i) Khoản đầu tư vào cổ phiếu được niêm yết trên sàn HOSE với số lượng 53.379 cổ phiếu. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn HOSE tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.
- (ii) Khoản góp vốn vào Công ty Cổ phần EVN Quốc tế với số lượng cổ phiếu sở hữu là 315.000 cổ phiếu, tỷ lệ góp là 0,86% tổng Vốn điều lệ. Công ty xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này dựa vào giá trị thị trường giao dịch trên sàn UPCOM tại ngày 31 tháng 12 năm 2025.
- (iii) Công ty Cổ phần Phong Điện Thuận Bình có Vốn điều lệ là 500.000.000.000 VND, tỷ lệ góp vốn của Công ty là 10% tổng Vốn điều lệ.
- (\*) Theo quy định tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào đơn vị khác tại ngày kết thúc năm tài chính cần được trình bày. Tuy nhiên, một số khoản đầu tư vào đơn vị mà chưa niêm yết, hiện chưa có thông tin hướng dẫn xác định giá trị hợp lý đối với các khoản đầu tư chưa niêm yết, nên Công ty chưa có cơ sở trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa  
Thành phố Hồ Chí Minh**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo

**6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>127.648.851.805</b>	<b>93.246.108.463</b>
<b>a1) Bên liên quan</b>	<b>96.393.357.105</b>	<b>65.782.278.496</b>
Ban QLDA Thủy Điện Sông Bung 2	19.437.236.964	19.480.106.739
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	18.311.117.101	1.617.962.882
Công ty CP Thủy điện Đa Nhim-Hàm Thuận-Đa Mi	10.707.000.371	9.184.521.171
Công ty CP Thủy điện Thác Mơ	10.085.972.647	4.570.560.000
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	7.270.348.090	1.741.229.404
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam - PC 2	5.495.145.092	8.168.211.293
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	4.805.512.830	5.869.701.424
Bên liên quan khác	20.281.024.010	15.149.985.583
<b>a2) Đối tượng khác</b>	<b>31.255.494.700</b>	<b>27.463.829.967</b>
Nam Neun 1 Hydropower Sole Co., Ltd	16.131.051.294	9.387.893.403
Công ty TNHH Điện lực Hiệp Phước	7.038.527.272	9.038.527.272
Khác	8.085.916.134	9.037.409.292
<b>b) Dài hạn</b>	<b>40.148.607.187</b>	<b>39.784.897.118</b>
<b>b1) Bên liên quan</b>	<b>26.024.457.800</b>	<b>28.175.916.269</b>
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	8.071.547.943	11.794.918.214
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	3.798.884.485	4.019.287.139
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	4.812.560.257	1.510.132.352
Ban QLDA Truyền tải điện (NPTPNB)	694.210.649	2.681.857.442
Bên liên quan khác	8.647.254.466	8.169.721.122
<b>b2) Đối tượng khác</b>	<b>14.124.149.387</b>	<b>11.608.980.849</b>
Khác	14.124.149.387	11.608.980.849
<b>Cộng</b>	<b>167.797.458.992</b>	<b>133.031.005.581</b>

**7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Giá trị</b>
		<b>có thể thu hồi</b>		<b>có thể thu hồi</b>
	VND	VND	VND	VND
Công ty CP Công nghệ ITEKO	862.045.454	862.045.454	-	-
Công ty TNHH Công nghệ	662.000.000	662.000.000	662.000.000	662.000.000
Trắc địa Bàn Đồ 24H				
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng điện I	-	-	2.100.000.000	2.100.000.000
Công ty CP XD TM Bình	-	-	1.286.000.000	1.286.000.000
Khác	2.025.172.267	2.025.172.267	1.949.404.000	1.949.404.000
<b>Cộng</b>	<b>3.549.217.721</b>	<b>3.549.217.721</b>	<b>5.997.404.000</b>	<b>5.997.404.000</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**

Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa

Thành phố Hồ Chí Minh

**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***8. PHẢI THU KHÁC**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>11.500.815.809</b>	<b>9.271.447.616</b>
Tạm ứng cho nhân viên	10.579.358.524	7.190.635.180
Khác	921.457.285	2.080.812.436
<b>b) Dài hạn</b>	<b>633.000.000</b>	<b>4.600.496.880</b>
Ký quỹ, ký cược	633.000.000	4.600.496.880
<b>Cộng</b>	<b>12.133.815.809</b>	<b>13.871.944.496</b>

**9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI**

	<b>Số cuối năm</b>			<b>Số đầu năm</b>		
	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b>	<b>Dự phòng</b>	<b>Giá gốc</b>	<b>Giá trị có thể thu hồi</b>	<b>Dự phòng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
<b>a) Bên liên quan</b>	<b>25.461.624.837</b>	<b>210.209.488</b>	<b>(25.251.415.349)</b>	<b>21.733.804.690</b>	<b>871.462.248</b>	<b>(20.862.342.442)</b>
Ban Quản lý Dự án Thủy điện sông Bung 2	19.437.236.964	-	(19.437.236.964)	19.419.132.164	-	(19.419.132.164)
Bên liên quan khác	6.024.387.873	210.209.488	(5.814.178.385)	2.314.672.526	871.462.248	(1.443.210.278)
<b>b) Các đối tượng khác</b>	<b>11.642.465.665</b>	<b>135.672.860</b>	<b>(11.506.792.805)</b>	<b>15.568.493.219</b>	<b>3.909.482.359</b>	<b>(11.659.010.860)</b>
Công ty TNHH Điện lực Hiệp Phước	7.038.527.272	-	(7.038.527.272)	9.038.527.272	1.672.058.182	(7.366.469.090)
Khác	4.603.938.393	135.672.860	(4.468.265.533)	6.529.965.947	2.237.424.177	(4.292.541.770)
<b>Cộng</b>	<b>37.104.090.502</b>	<b>345.882.348</b>	<b>(36.758.208.154)</b>	<b>37.302.297.909</b>	<b>4.780.944.607</b>	<b>(32.521.353.302)</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**

Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa

Thành phố Hồ Chí Minh

**MẪU SỐ B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC

ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÒI (TIẾP THEO)**

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
<b>Số đầu năm</b>	<b>32.521.353.302</b>	<b>30.321.126.434</b>
Trích lập dự phòng trong năm	4.236.854.852	-
Hoàn nhập dự phòng trong năm	-	602.319.000
<b>Số cuối năm</b>	<b>36.758.208.154</b>	<b>32.521.353.302</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>	<u>Giá gốc</u>	<u>Dự phòng</u>
	VND	VND	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	80.580.449	-	99.502.944	-
Công cụ, dụng cụ	980.066	-	3.738.164	-
Chi phí SXKD dở dang	44.140.921.259	-	36.541.231.338	-
<b>Cộng</b>	<b>44.222.481.774</b>	<b>-</b>	<b>36.644.472.446</b>	<b>-</b>

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>1.152.796.190</b>	<b>1.034.230.882</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	464.031.969	58.007.800
Chi phí phần mềm	688.764.221	976.223.082
<b>b) Dài hạn</b>	<b>2.537.151.331</b>	<b>635.018.061</b>
Công cụ dụng cụ xuất dùng	2.176.698.850	600.361.496
Chi phí phần mềm	360.452.481	34.656.565
<b>Cộng</b>	<b>3.689.947.521</b>	<b>1.669.248.943</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**

Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa  
Thành phố Hồ Chí Minh

**MẪU SỐ B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	<b>Nhà cửa, vật kiến trúc</b>	<b>Máy móc, thiết bị</b>	<b>Phương tiện vận tải, truyền dẫn</b>	<b>Thiết bị, dụng cụ quản lý</b>	<b>Tổng cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>13.196.031.024</b>	<b>17.047.274.909</b>	<b>16.955.207.828</b>	<b>8.863.816.559</b>	<b>56.062.330.320</b>
- Mua trong năm	-	653.521.667	1.985.484.546	270.000.000	2.909.006.213
- Thanh lý, nhượng bán	-	(3.239.774.499)	(1.901.624.068)	(102.536.380)	(5.243.934.947)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>13.196.031.024</b>	<b>14.461.022.077</b>	<b>17.039.068.306</b>	<b>9.031.280.179</b>	<b>53.727.401.586</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>10.514.816.729</b>	<b>16.268.191.405</b>	<b>16.270.232.500</b>	<b>8.474.538.759</b>	<b>51.527.779.393</b>
- Khấu hao trong năm	838.279.810	582.690.770	215.548.117	309.265.791	1.945.784.488
- Thanh lý nhượng bán	-	(3.239.774.499)	(1.901.624.068)	(102.536.380)	(5.243.934.947)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>11.353.096.539</b>	<b>13.611.107.676</b>	<b>14.584.156.549</b>	<b>8.681.268.170</b>	<b>48.229.628.934</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>2.681.214.295</b>	<b>779.083.504</b>	<b>684.975.328</b>	<b>389.277.800</b>	<b>4.534.550.927</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>1.842.934.485</b>	<b>849.914.401</b>	<b>2.454.911.757</b>	<b>350.012.009</b>	<b>5.497.772.652</b>

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 36.178.719.146 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 28.578.784.394 VND).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<b>Quyền sử dụng đất</b>	<b>Phần mềm máy tính</b>	<b>Tổng cộng</b>
	VND	VND	VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Số dư đầu năm	10.257.146.572	11.027.738.954	21.284.885.526
Số dư cuối năm	10.257.146.572	11.027.738.954	21.284.885.526
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Số dư đầu năm	2.379.179.157	10.850.412.786	13.229.591.943
- Khấu hao trong năm	172.446.096	134.666.664	307.112.760
Số dư cuối năm	2.551.625.253	10.985.079.450	13.536.704.703
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày đầu năm	7.877.967.415	177.326.168	8.055.293.583
Tại ngày cuối năm	7.705.521.319	42.659.504	7.748.180.823

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 10.623.738.954 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 10.623.738.954 VND).

Công ty đã thế chấp Quyền sử dụng đất tại Quận 2 (nay là Phường Cát Lát, Thành phố Hồ Chí Minh) - Thửa đất số 143 với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là 2.395.480.035 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 2.475.775.455 VND) nhằm đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (Thuyết minh số 20).

**14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại ngày 31 tháng 12 năm 2025 là các chi phí liên quan đến Dự án đầu tư xây dựng Nhà điều hành sản xuất Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3 tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**15. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>	<b>Giá trị</b>	<b>Số có khả năng trả nợ</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Bên liên quan</b>	1.376.516.732	1.376.516.732	-	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 1	1.376.516.732	1.376.516.732	-	-
<b>b) Đối tượng khác</b>	12.129.252.397	12.129.252.397	15.358.347.515	15.358.347.515
Công ty CP KBC Việt Nam	1.247.478.871	1.247.478.871	2.782.102.838	2.782.102.838
Công ty CP Tư vấn Đầu tư và Xây lắp điện Số Năm	946.770.498	946.770.498	4.348.842.746	4.348.842.746
Công ty TNHH TVTK Xây dựng An Bình 68	200.636.754	200.636.754	1.606.367.548	1.606.367.548
GE Power India Limited	-	-	2.307.255.300	2.307.255.300
Khác	9.734.366.274	9.734.366.274	4.313.779.083	4.313.779.083
<b>Cộng</b>	13.505.769.129	13.505.769.129	15.358.347.515	15.358.347.515

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**16. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
<b>a) Bên liên quan</b>	<b>29.582.471.249</b>	<b>20.673.008.177</b>
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	8.629.838.042	2.988.128.405
Ban QLDA Điện Lực Miền Nam	5.092.899.235	5.675.664.235
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	4.217.390.771	4.393.478.562
Bên liên quan khác	11.642.343.201	7.615.736.975
<b>b) Đối tượng khác</b>	<b>4.004.224.144</b>	<b>8.411.500.495</b>
Khác	4.004.224.144	8.411.500.495
<b>Cộng</b>	<b>33.586.695.393</b>	<b>29.084.508.672</b>

**17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/NỢP NHÀ NƯỚC**

	<b>Số đầu năm</b>	<b>Số phải nộp/ thu trong năm</b>	<b>Số đã nộp/ thu trong năm</b>	<b>Số cuối năm</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>a) Phải thu</b>				
Thuế giá trị gia tăng	17.412.002	17.412.002	-	-
Các loại thuế, phí khác	33.852	-	-	33.852
<b>Cộng</b>	<b>17.445.854</b>	<b>17.412.002</b>	<b>-</b>	<b>33.852</b>
<b>b) Phải nộp</b>				
Thuế giá trị gia tăng	2.323.343.322	10.921.314.850	10.052.665.712	3.191.992.460
Thuế thu nhập doanh nghiệp	462.867.490	2.997.539.526	2.680.438.218	779.968.798
Thuế thu nhập cá nhân	382.606.267	3.326.180.433	3.676.083.205	32.703.495
Các loại thuế, phí khác	258.276	411.694.412	411.952.688	-
<b>Cộng</b>	<b>3.169.075.355</b>	<b>17.656.729.221</b>	<b>16.821.139.823</b>	<b>4.004.664.753</b>

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	VND	VND
Trích trước chi phí công trình	6.055.209.027	305.842.352
<b>Cộng</b>	<b>6.055.209.027</b>	<b>305.842.352</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**

Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa  
Thành phố Hồ Chí Minh

**MẪU SỐ B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**19. PHẢI TRẢ NGẮN HẠN KHÁC**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	709.067.746	736.342.360
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	70.872.737	75.732.485
Phải trả cổ tức cho cổ đông	924.311.375	882.846.775
Phải trả về khoản tạm thu thuế TNCN	3.828.532.259	1.173.357.826
Chi phí công trình phải trả	3.993.863.144	6.100.213.281
Khác	1.466.639.344	3.923.229.513
<b>Cộng</b>	<b><u>10.993.286.605</u></b>	<b><u>12.891.722.240</u></b>

**20. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	<u>Số đầu năm</u>		<u>Phát sinh trong năm</u>		<u>Số cuối năm</u>	
	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>	<u>Tăng</u>	<u>Giảm</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số có khả năng</u>
		<u>trả nợ</u>				<u>trả nợ</u>
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh (i)	16.188.778.225	16.188.778.225	24.021.063.107	(38.557.241.332)	1.652.600.000	1.652.600.000
Công đoàn Công ty	3.000.000.000	3.000.000.000	-	(3.000.000.000)	-	-
Cán bộ công nhân viên	4.248.723.028	4.248.723.028	-	(4.248.723.028)	-	-
<b>Cộng</b>	<b><u>23.437.501.253</u></b>	<b><u>23.437.501.253</u></b>	<b><u>24.021.063.107</u></b>	<b><u>(45.805.964.360)</u></b>	<b><u>1.652.600.000</u></b>	<b><u>1.652.600.000</u></b>

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh nhằm mục đích bổ sung Vốn lưu động, lãi suất vay là 6,3%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi vay trong hạn. Khoản vay được đảm bảo bằng Quyền sử dụng đất tại Quận 2 (nay là Phường Cát Lát, Thành phố Hồ Chí Minh) - Thửa đất số 143.



**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**

Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa  
Thành phố Hồ Chí Minh

**MẪU SỐ B 09-DN**

Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**21. VỐN CHỦ SỞ HỮU****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	<b>Vốn góp của chủ sở hữu</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	<b>Quỹ đầu tư phát triển</b>	<b>LNST chưa phân phối</b>	<b>Tổng cộng</b>
	VND	VND	VND	VND	VND
<b>Số đầu năm trước</b>	<b>95.173.030.000</b>	<b>(140.000)</b>	<b>31.082.000.000</b>	<b>23.173.848.987</b>	<b>149.428.738.987</b>
- Lãi trong năm	-	-	-	11.753.627.051	11.753.627.051
- Chia lợi nhuận	-	-	-	(4.758.644.500)	(4.758.644.500)
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Ban Điều hành	-	-	-	(1.706.000.000)	(1.706.000.000)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển	-	-	4.448.000.000	(4.448.000.000)	-
<b>Số dư đầu năm nay</b>	<b>95.173.030.000</b>	<b>(140.000)</b>	<b>35.530.000.000</b>	<b>24.014.831.538</b>	<b>154.717.721.538</b>
- Lãi trong năm	-	-	-	16.949.408.701	16.949.408.701
- Chia lợi nhuận (i)	-	-	-	(4.758.644.500)	(4.758.644.500)
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi, Ban Điều hành (i)	-	-	-	(1.473.000.000)	(1.473.000.000)
- Trích Quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	3.526.000.000	(3.526.000.000)	-
<b>Số dư cuối năm nay</b>	<b>95.173.030.000</b>	<b>(140.000)</b>	<b>39.056.000.000</b>	<b>31.206.595.739</b>	<b>165.435.485.739</b>

(i) Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông năm 2025 số 91/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐ3 ngày 24 tháng 4 năm 2025 đã quyết định:

- Phân phối lợi nhuận năm 2024 là 4.758.644.500 VND;
- Trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành là 1.473.000.000 VND;
- Trích Quỹ đầu tư phát triển là 3.526.000.000 VND.





**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3**Số 32, Ngõ Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa  
Thành phố Hồ Chí Minh**MẪU SỐ B 09-DN**Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC  
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***21. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP THEO)**

<b>Cổ phiếu</b>	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	9.517.303	9.517.303
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	9.517.303	9.517.303
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.517.303	9.517.303
Số lượng cổ phiếu được mua lại (cổ phiếu quỹ)	14	14
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	14	14
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	9.517.289	9.517.289
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	9.517.289	9.517.289
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

**Vốn điều lệ**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2025, vốn điều lệ đã được cổ đông góp như sau:

	<b>Số cuối năm</b>		<b>Số đầu năm</b>	
	VND	Tỷ lệ	VND	Tỷ lệ
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	46.427.040.000	48,78%	46.427.040.000	48,78%
Công ty TNHH VP INVEST	17.156.480.000	18,03%	10.509.250.000	11,04%
Bà Bùi Thị Kim Yến	10.470.000.000	11,00%	7.800.000.000	8,20%
Cổ đông khác	21.119.370.000	22,19%	30.436.600.000	31,98%
Cổ phiếu quỹ	140.000	0,00%	140.000	0,00%
<b>Tổng cộng</b>	<b>95.173.030.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>95.173.030.000</b>	<b>100,00%</b>

Trong năm, Công ty đã thanh toán cổ tức các năm trước cho cổ đông với giá trị là 4.717.179.900 VND (năm trước là 7.202.000.725 VND).

**22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP**

	<b>Số cuối năm</b>	<b>Số đầu năm</b>
Đô la Mỹ (USD)	40.774,87	309.615,24
Đồng tiền chung Châu Âu (EUR)	473,46	1.242,60
Kíp Lào (LAK)	3.618.266.543,00	5.114.307.886,00

**23. BÁO CÁO THEO BỘ PHẬN**

Hoạt động sản xuất kinh doanh tư vấn khảo sát thiết kế chủ yếu tạo ra doanh thu và lợi nhuận cho Công ty, trong khi các doanh thu khác chiếm tỷ trọng không đáng kể trong tổng doanh thu toàn Công ty. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là tư vấn khảo sát thiết kế trong một khu vực địa lý, vì vậy, không trình bày thêm thông tin bộ phận.

**24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	VND	VND
Doanh thu khảo sát, tư vấn, thiết kế	315.440.416.886	185.085.686.110
<b>Cộng</b>	<b>315.440.416.886</b>	<b>185.085.686.110</b>
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>55.625.412</b>	<b>-</b>
Giảm giá dịch vụ	55.625.412	-
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>315.384.791.474</b>	<b>185.085.686.110</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**24. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ (TIẾP THEO)**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	VND	VND
<b><i>Trong đó, doanh thu đối với các bên liên quan</i></b>	<b><i>233.621.678.506</i></b>	<b><i>117.241.119.397</i></b>
Ban QLDA các công trình điện miền Nam	88.815.123.939	24.768.897.494
Ban QLDA các công trình điện miền Bắc	69.994.123.327	6.693.215.643
Ban QLDA các công trình điện miền Trung	4.489.285.425	39.585.278.878
Bên liên quan khác	70.323.145.815	46.193.727.382

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	VND	VND
Giá vốn dịch vụ khảo sát, tư vấn, thiết kế	229.420.941.962	133.064.363.995
<b>Cộng</b>	<b>229.420.941.962</b>	<b>133.064.363.995</b>

**26. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.238.115.924	909.533.911
Chi phí nhân công	151.852.939.358	81.168.551.631
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.252.897.248	2.920.831.780
Chi phí dịch vụ mua ngoài	58.607.849.504	59.874.461.064
Chi phí khác	96.562.824.114	32.486.400.525
<b>Cộng</b>	<b>310.514.626.148</b>	<b>177.359.778.911</b>

**27. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	VND	VND
Lãi tiền gửi	501.627.147	125.125.555
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.806.433.800	10.668.947.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	963.877.242	527.251.616
Các khoản khác	10.720	-
<b>Cộng</b>	<b>14.271.948.909</b>	<b>11.321.324.671</b>

**28. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	VND	VND
Chi phí lãi vay	853.477.559	832.865.078
Chi phí bảo lãnh	1.110.294.034	1.072.547.350
Lỗ chênh lệch tỷ giá	583.816.538	-
Các khoản khác	15.274.386	-
<b>Cộng</b>	<b>2.562.862.517</b>	<b>1.905.412.428</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**29. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	417.331.930	437.753.300
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.856.716.447	2.622.001.314
Các khoản chi phí khác	17.113.702.505	6.605.473.723
<b>Cộng</b>	<b>21.387.750.882</b>	<b>9.665.228.337</b>
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm</b>		
Chi phí nhân viên	21.339.707.158	14.207.658.969
Chi phí khấu hao TSCĐ	1.450.101.909	1.690.556.058
Chi phí dự phòng phải thu khó đòi	4.236.854.852	454.446.760
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.751.529.710	12.125.233.096
Các khoản chi phí khác	16.564.904.606	9.889.642.363
<b>Cộng</b>	<b>56.343.098.235</b>	<b>38.367.537.246</b>

**30. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>Lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>19.946.948.227</b>	<b>13.031.026.865</b>
<b>Điều chỉnh tăng cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>521.359.007</b>	<b>1.255.706.713</b>
Thù lao HĐQT không chuyên trách	120.000.000	71.760.000
Tiền phạt vi phạm hành chính về thuế	215.449	497.248.314
Xử lý công nợ	-	641.443.000
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục	401.143.558	45.255.399
Tiền và Phải thu cuối năm trước		
<b>Điều chỉnh giảm cho thu nhập chịu thuế</b>	<b>(13.148.058.003)</b>	<b>(11.070.091.058)</b>
Lợi nhuận, cổ tức được chia	(12.806.433.800)	(10.668.947.500)
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục	(341.624.203)	(401.143.558)
Tiền và Phải thu cuối năm nay		
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>7.320.249.231</b>	<b>3.216.642.520</b>
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>1.464.049.846</b>	<b>643.328.504</b>
Thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước nộp bổ sung	-	634.071.310
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp tại Lào	1.820.193.377	-
Thuế TNDN tạm khấu trừ với Thuế đã nộp tại Lào	(286.703.697)	-
<b>Tổng Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>2.997.539.526</b>	<b>1.277.399.814</b>

- (i) Công ty xác định chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Việt Nam liên quan công trình thủy điện Nậm Neun 1 là 286.703.697 VND được bù trừ với thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp tại Lào.
- (ii) Trong đó, nghĩa vụ thuế phát sinh tại Việt Nam là 1.177.346.149 VND, nghĩa vụ thuế phát sinh tại Lào là 1.820.193.377 VND.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***31. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
	VND	VND
Lợi nhuận sau thuế trong năm	16.949.408.701	11.753.627.051
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	1.694.940.870	1.473.000.000
<b>Lợi nhuận để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>15.254.467.831</b>	<b>10.280.627.051</b>
Số cổ phiếu bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính Lãi cơ bản trên cổ phiếu	9.517.289	9.517.289
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.603	1.080
Mệnh giá mỗi cổ phiếu	10.000	10.000

- (i) Theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông năm 2025 số 91/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐ3 ngày 24 tháng 4 năm 2025, Công ty đã trích lập Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Ban Điều hành từ lợi nhuận năm 2024 với giá trị 1.473.000.000 VND. Do đó, Công ty đã điều chỉnh lại số liệu so sánh năm 2024 khi tính lãi cơ bản trên cổ phiếu. (Lãi cơ bản trên cổ phiếu trước khi trình bày lại là 1.111 VND/Cổ phiếu).

Số trích Quỹ khen thưởng phúc lợi cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 là số tạm tính dựa trên 10% Lợi nhuận sau thuế năm 2025 được căn cứ theo Nghị quyết Đại Hội đồng cổ đông năm 2025 số 91/NQ-ĐHĐCĐ-TVĐ3 ngày 24 tháng 4 năm 2025.

**32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản lý nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm vốn điều lệ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Các khoản vay	1.652.600.000	23.437.501.253
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	(24.456.232.360)	(38.941.438.605)
Nợ thuần	-	-
Vốn chủ sở hữu	165.435.485.739	154.717.721.538
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 3.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Các loại công cụ tài chính**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
<b>Tài sản tài chính</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.456.232.360	24.456.232.360	38.941.438.605	38.941.438.605
Phải thu khách hàng và phải thu khác	168.708.916.277	168.708.916.277	135.101.818.017	135.101.818.017
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220.790.000	1.580.018.400	220.790.000	1.798.872.300
Các khoản ký quỹ	643.000.000	643.000.000	4.610.496.880	4.610.496.880
<b>Tổng cộng</b>	<b>194.028.938.637</b>	<b>195.388.167.037</b>	<b>178.874.543.502</b>	<b>180.452.625.802</b>
<b>Công nợ tài chính</b>				
Các khoản vay	1.652.600.000	1.652.600.000	23.437.501.253	23.437.501.253
Phải trả người bán và phải trả khác	23.719.115.251	23.719.115.251	27.437.994.910	27.437.994.910
Chi phí phải trả	6.055.209.027	6.055.209.027	305.842.352	305.842.352
<b>Tổng cộng</b>	<b>31.426.924.278</b>	<b>31.426.924.278</b>	<b>51.181.338.515</b>	<b>51.181.338.515</b>

Công ty xác định giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính như Thuyết minh số 3, do Thông tư số 210/2009/TT-BTC được Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 (“Thông tư 210”) cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (rủi ro về lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***32. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)****Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính (Tiếp theo)****Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 2 - 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>Số cuối năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	24.456.232.360	-	-	24.456.232.360
Phải thu khách hàng và phải thu khác	128.560.309.090	40.148.607.187	-	168.708.916.277
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220.790.000	-	-	220.790.000
Các khoản ký quỹ	10.000.000	633.000.000	-	643.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>153.247.331.450</b>	<b>40.781.607.187</b>	<b>-</b>	<b>194.028.938.637</b>
<b>Số cuối năm</b>				
Các khoản vay	1.652.600.000	-	-	1.652.600.000
Phải trả người bán và phải trả khác	23.719.115.251	-	-	23.719.115.251
Chi phí phải trả	6.055.209.027	-	-	6.055.209.027
<b>Tổng cộng</b>	<b>31.426.924.278</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>31.426.924.278</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>121.820.407.172</b>	<b>40.781.607.187</b>	<b>-</b>	<b>162.602.014.359</b>
	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 2 - 5 năm</b>	<b>Trên 5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	VND	VND	VND	VND
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	38.941.438.605	-	-	38.941.438.605
Phải thu khách hàng và phải thu khác	95.316.920.899	39.784.897.118	-	135.101.818.017
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220.790.000	-	-	220.790.000
Các khoản ký quỹ	10.000.000	4.600.496.880	-	4.610.496.880
<b>Tổng cộng</b>	<b>134.489.149.504</b>	<b>44.385.393.998</b>	<b>-</b>	<b>178.874.543.502</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Các khoản vay	23.437.501.253	-	-	23.437.501.253
Phải trả người bán và phải trả khác	27.437.994.910	-	-	27.437.994.910
Chi phí phải trả	305.842.352	-	-	305.842.352
<b>Tổng cộng</b>	<b>51.181.338.515</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>51.181.338.515</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>83.307.810.989</b>	<b>44.385.393.998</b>	<b>-</b>	<b>127.693.204.987</b>

Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp, Chủ tịch Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***33. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

*Trong năm, ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan tại các Thuyết minh số 6, 9, 15, 16, 21 và 24; Công ty còn có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:*

	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Chi trả cổ tức</b>		
Tập đoàn Điện lực Việt Nam	2.321.352.000	2.321.352.000
<b>Cộng</b>	<b>2.321.352.000</b>	<b>2.321.352.000</b>

*Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng trong năm:*

Chức vụ	Năm nay VND	Năm trước VND
<b>Thu nhập của Hội đồng Quản trị</b>	<b>3.778.824.000</b>	<b>1.651.200.000</b>
Ông Nguyễn Như Hoàng Tuấn (Chủ tịch)	964.800.000	429.960.000
Ông Lạc Thái Phước (Thành viên kiêm Tổng Giám đốc)	916.560.000	414.360.000
Ông Trần Quốc Điền (Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc)	870.732.000	367.560.000
Ông Trần Lê Minh (Thành viên kiêm Phó Tổng Giám đốc)	870.732.000	367.560.000
Ông Võ Văn Phương (Thành viên độc lập)	156.000.000	71.760.000
<b>Thu nhập của Ban Tổng Giám đốc</b>	<b>827.195.400</b>	<b>564.070.640</b>
Ông Nguyễn Công Thắng (Phó Tổng Giám đốc)	827.195.400	564.070.640
<b>Thu nhập của Ban Kiểm soát</b>	<b>1.552.891.472</b>	<b>652.066.163</b>
Bà Trương Thị Anh Đào (Trưởng Ban Kiểm soát)	808.800.000	166.793.000
Bà Nguyễn Minh Hiếu (Thành viên)	-	35.880.000
Bà Tô Thị Mỹ Hằng (Thành viên)	156.000.000	35.880.000
Ông Nguyễn Văn Thiện (Thành viên)	588.091.472	413.513.163
<b>Kế toán trưởng</b>	<b>827.195.400</b>	<b>542.378.971</b>
Ông Phạm Hoàng Vinh (Kế toán trưởng)	827.195.400	542.378.971
<b>Cộng</b>	<b>6.986.106.272</b>	<b>3.409.715.774</b>

**34. NỢ TIỀM TÀNG**

- Vụ tranh chấp về “Hợp đồng bảo hiểm”:

Trong năm 2020, các Công ty bảo hiểm (bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không) đã nộp hồ sơ khởi kiện tại Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh yêu cầu các nhà thầu tư vấn có liên quan đến sự cố tại hầm dẫn dòng công trình Thủy điện Sông Bung 2 năm 2016 (bao gồm Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3, Viện nghiên cứu Khảo sát Thiết kế Côn Minh và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2) phải liên đới bồi hoàn số tiền 6.516.225.000 VND cho các Công ty Bảo hiểm nêu trên, trong đơn khởi kiện không nêu rõ số tiền bồi hoàn của từng nhà thầu tư vấn. Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh bản ý kiến vào ngày 22 tháng 9 năm 2020 nêu rõ sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm tư vấn thiết kế của Công ty, do đó Công ty không phải chịu trách nhiệm bồi hoàn.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**34. NỢ TIỀM TÀNG (TIẾP THEO)**

Vào tháng 6 năm 2021, Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh có thông báo về việc thụ lý vụ án bổ sung số 49A/TB-TA ngày 28 tháng 6 năm 2021, trong đó điều chỉnh số tiền yêu cầu các Nhà thầu tư vấn phải liên đới bồi hoàn từ 6.516.225.000 VND thành 14.871.605.885 VND. Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh bản ý kiến vào ngày 16 tháng 12 năm 2021 trong đó tiếp tục khẳng định quan điểm sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm của tư vấn thiết kế KHIDI và PECC3, do vậy PECC3 không phải chịu trách nhiệm đối với một sản phẩm không phải là sản phẩm thiết kế của mình, nên không phải liên đới bồi thường thiệt hại mà Nguyên đơn yêu cầu. Ngoài ra, trong văn bản này Công ty đề nghị Tòa án trung cầu giám định bộ hồ sơ thiết kế hầm dẫn dòng của PECC3 và KHIDI để xác định lỗi cụ thể của PECC3 (nếu có).

Ngày 02 tháng 11 năm 2022, Viện nghiên cứu Khảo sát Thiết kế Côn Minh (KHIDI) cũng đã có bản giải trình gửi Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh, trong đó KHIDI đề nghị Tòa án xem xét lại thời hiệu khởi kiện và bác bỏ các yêu cầu không có cơ sở pháp lý của Nguyên đơn.

Ngày 06 tháng 6 năm 2024, Công ty đã nhận được Thông báo số 2517/2024/QĐ-TCGD của Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc trung cầu Công ty Cổ phần Liên Doanh Tư Vấn và Xây Dựng -COFEC thực hiện giám định hồ sơ thiết kế có đảm bảo an toàn chịu lực hay không và xác định lỗi của đơn vị tư vấn (nếu có).

Ngày 06 tháng 9 năm 2024, đơn vị giám định tư pháp là Công ty Cổ phần Liên doanh Tư vấn và Xây dựng - COFEC đã có Kết luận Giám định tư pháp số 07/2024/CV-COFEC theo yêu cầu Quyết định trung cầu giám định số 2517/2024/QĐ-TCGD ngày 06 tháng 6 năm 2024 của Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh. Kết luận giám định kết luận hồ sơ thiết kế hạng mục công trình của dự án đảm bảo tính pháp lý, tuân thủ các quy định của pháp luật và đáp ứng theo yêu cầu của Chủ đầu tư và hồ sơ thiết kế kỹ thuật và bản vẽ thi công kết cấu của hầm dẫn dòng Thủy điện Sông Bung 2 đảm bảo an toàn chịu lực theo yêu cầu.

Ngày 29 tháng 10 năm 2024, Công ty gửi đến Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh văn bản ý kiến về Kết luận giám định, tại văn bản, Công ty tái khẳng định không phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại theo yêu cầu của nguyên đơn bởi vì Kết luận giám định đã nêu rõ là hồ sơ thiết kế của Công ty đảm bảo tính pháp lý, tuân thủ quy định pháp luật và hồ sơ thiết kế kỹ thuật, bản vẽ thi công kết cấu của hầm dẫn dòng Thủy điện Sông Bung 2 đảm bảo an toàn chịu lực theo yêu cầu.

Ngày 08 tháng 7 năm 2025, Công ty nhận được Quyết định số 3481/2025/QĐXXST-KDTM của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc đưa vụ án ra xét xử vào ngày 28 tháng 7 năm 2025.

Ngày 28 tháng 7 năm 2025, Công ty nhận được Quyết định số 13186/2025/QĐST-KDTM của Tòa án nhân dân TP. Hồ Chí Minh về việc tạm ngừng phiên tòa để thu thập bổ sung tài liệu chứng cứ, thời gian tiếp tục phiên tòa vào ngày 13 tháng 8 năm 2025.

Ngày 10 tháng 9 năm 2025, Công ty nhận được bản án xét xử sơ thẩm số 296/2025/KDTM-ST do Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh ban hành. Theo đó, Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh quyết định không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các Công ty bảo hiểm (bao gồm Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Toàn Cầu, Tổng Công ty Bảo hiểm Bảo Việt, Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Hàng Không) về việc yêu cầu Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 3, Viện nghiên cứu Khảo sát Thiết kế Côn Minh và Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Điện 2 cùng liên đới chịu trách nhiệm bồi hoàn số tiền 14.871.605.885 VND. Đồng thời, các Công ty bảo hiểm phải hoàn lại chi phí giám định mà Công ty đã tạm ứng với giá trị 232.997.000 VND.

Sau thời điểm nhận được Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 296/2025/KDTM-ST do Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh ban hành ngày 10 tháng 9 năm 2025 đến nay Công ty chưa nhận được thêm văn bản nào khác từ Tòa án.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo***34. NỢ TIỀM TÀNG (TIẾP THEO)**

- Vụ tranh chấp về “Bồi thường thiệt hại ngoài Hợp đồng”:

Trong năm 2022, Công ty cũng nhận được Thông báo số 39/2022/TLBS của Tòa án nhân dân Quận Bình Thạnh ngày 11 tháng 7 năm 2022 về việc thụ lý bổ sung yêu cầu khởi kiện trong đó Tổng Công ty Xây dựng Thủy lợi 4 - CTCP kiện PECC3 và Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô liên đới bồi thường giá trị còn lại của các thiết bị, xe máy tại thời điểm cuốn trôi trong sự cố vỡ hầm dẫn dòng công trình Thủy điện Sông Bung 2 với số tiền là 6.595.720.000 VND. Công ty đã gửi đến Tòa án Nhân dân Quận Bình Thạnh bản ý kiến vào ngày 26 tháng 7 năm 2022 đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn và loại bỏ trách nhiệm của Công ty đối với đền bù thiệt hại. Bản tự khai nêu rõ sản phẩm thi công hiện trường của tháp van hầm dẫn dòng không phải là sản phẩm của tư vấn thiết kế KHIDI và Công ty, do vậy Công ty không phải chịu trách nhiệm đối với một sản phẩm không phải là sản phẩm thiết kế của mình, nên không phải liên đới bồi thường thiệt hại mà Nguyên đơn yêu cầu. Ngoài ra, Công ty cũng đề nghị Tòa án trung cầu giám định bộ hồ sơ thiết kế hầm dẫn dòng của Công ty và KHIDI để xác định lỗi cụ thể của Công ty (nếu có).

Trong năm 2023, Công ty đã nhận được Thông báo số 1837/2023/QĐST-DS của Tòa án Nhân dân Quận Bình Thạnh ngày 19 tháng 9 năm 2023 về việc chuyển hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 1745/2020/TLST-DS ngày 29 tháng 10 năm 2020 của Tòa án Nhân dân Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh đến Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh giải quyết theo thẩm quyền.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh ban hành Văn bản số 5726/TATP-TLĐ gửi tới Bộ Công thương về việc cung cấp thông tin và tài liệu liên quan việc bồi thường thiệt hại trong sự cố vỡ hầm dẫn dòng công trình thủy điện Sông Bung 2.

Ngày 10 tháng 01 năm 2025, Bộ Công thương ban hành Văn bản số 69/ĐL-TĐ về việc cung cấp thông tin và tài liệu phúc đáp Văn bản số 5726/TATP-TLĐ ngày 06 tháng 12 năm 2024 của Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh.

Ngày 25 tháng 02 năm 2025, Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh triệu tập các đương sự có mặt tại trụ sở Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh để công khai Đơn khởi kiện sửa đổi (lần 4) của Nguyên đơn với nội dung xác định lại tư cách tham gia tố tụng của các đương sự và đề nghị Tòa án trung cầu định giá đối với các tài sản mà nguyên đơn bị thiệt hại, cụ thể: Bị đơn gồm: Tổng Công ty Xây dựng Lũng Lô, Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3, Tổng Công ty Phát điện 2 - Công ty TNHH MTV, Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 2 và Viện nghiên cứu khảo sát thiết kế Côn Minh; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện, Bộ Công thương.

Ngày 22 tháng 12 năm 2025, Công ty nhận được Thông báo số 23047/2025/TB-TA của Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải vào ngày 08 tháng 01 năm 2026.

Ngày 08 tháng 01 năm 2026, Tòa án Nhân dân TP. Hồ Chí Minh đã ban hành Biên bản hòa giải không được do các đương sự không thống nhất được các nội dung tranh chấp.

Đến thời điểm phát hành Báo cáo này, vụ án tranh chấp về “Bồi thường thiệt hại ngoài hợp đồng” chưa được hòa giải và xét xử. Theo đó, Báo cáo tài chính tổng hợp này chưa bao gồm những ảnh hưởng (nếu có) liên quan đến kết quả vụ kiện nêu trên.

**35. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Văn phòng Công ty thuê trụ sở tại Số 32 Ngõ Thời Nhiệm, Phường Xuân Hòa, TP. Hồ Chí Minh để làm trụ sở làm việc theo Phụ lục Hợp đồng thuê nhà số 286/PLHĐ-QLKDN-KD ngày 19 tháng 12 năm 2024 với Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà TP. Hồ Chí Minh. Thời hạn thuê là 01 năm kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2025 đến ngày 31 tháng 12 năm 2025 với đơn giá thuê đã bao gồm thuế giá trị gia tăng 568.500.000 VND/tháng, tiền thuê được trả hàng quý.

Chi phí thuê trụ sở làm việc được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Chi phí thuê trụ sở làm việc	6.822.000.000	6.822.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.822.000.000</b>	<b>6.822.000.000</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính tổng hợp kèm theo*

**36. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP**

**Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ**

Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia trong năm bao gồm 1.138.889 VND là số tiền lãi năm trước đã thu được trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.

Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu trong năm không bao gồm 924.311.375 VND là số cổ tức phải trả phát sinh trong năm nay chưa thanh toán, nhưng đã bao gồm 882.846.775 VND là số cổ tức phải trả phát sinh trong năm trước được thanh toán trong năm nay. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.

Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác trong năm bao gồm 110.268.000 VND (năm 2024 là 368.064.000 VND) là số tiền trả trước cho nhà cung cấp để mua sắm, xây dựng tài sản cố định. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải thu.



**Lạc Thái Phước**  
**Tổng Giám đốc**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 3 năm 2026

**Phạm Hoàng Vinh**  
**Kế toán trưởng**

**Nguyễn Trần Phương Thúy**  
**Người lập biểu**



TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
CÔNG TY CP  
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số **0941** /TVĐ3-KT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày **10** tháng 03 năm 2026

V/v giải trình chênh lệch lợi nhuận so với cùng kỳ năm trước của báo cáo tài chính tổng hợp.

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh năm 2024 và năm 2025 trên báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3;
- Công ty CP Tư vấn xây dựng điện 3 xin giải trình kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 so với cùng kỳ năm trước:

**So sánh kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 và cùng kỳ năm 2024:**

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2024	Năm 2025	Chênh lệch	So sánh (%)
<i>a</i>	<i>b</i>	<i>c</i>	<i>d</i>	<i>e=d-c</i>	<i>f=e:c</i>
1	Doanh thu thuần	185.085.686.110	315.384.791.474	130.299.105.364	70,40%
2	Lợi nhuận sau thuế	11.753.627.051	16.949.408.701	5.195.781.650	44,21%

Lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025 thay đổi trên 10% so với cùng kỳ năm trước chủ yếu: Trong năm Công ty đã thực hiện nhiều công trình cấp bách, nên doanh thu thuần tăng so với cùng kỳ và góp phần làm tăng lợi nhuận sau thuế so với năm trước.

Trên đây là giải trình của Công ty chúng tôi về biến động kết quả kinh doanh trong báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;  
- Lưu: VT, KT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Lạc Thái Phước**

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM  
CÔNG TY CP  
TƯ VẤN XÂY DỰNG ĐIỆN 3

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **0942**/TVĐ3-KT

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 3 năm 2026

V/v giải trình chênh lệch lợi nhuận  
trước và sau kiểm toán của báo cáo  
tài chính tổng hợp.

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;  
- Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

- Căn cứ theo quy định tại khoản 4 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ kết quả hoạt động kinh doanh trên báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025 của Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3;

Công ty Cổ phần Tư vấn xây dựng điện 3 xin giải trình kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 trước và sau kiểm toán:

**So sánh kết quả sản xuất kinh doanh năm 2025 trước và sau kiểm toán:**

Stt	Chỉ tiêu	Năm 2025 (trước kiểm toán)	Năm 2025 (sau kiểm toán)	Chênh lệch	So sánh (%)
a	b	c	d	$e=d-c$	$f=e:c$
1	Doanh thu thuần	315.384.791.474	315.384.791.474	0	0,00%
2	Lợi nhuận sau thuế	13.975.907.285	16.949.408.701	2.973.501.416	21,28%

Lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính tổng hợp năm 2025 có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên nguyên nhân do: Trong thời gian kiểm toán, Công ty thực hiện tính toán lại làm giảm chi phí tiền lương so với trước kiểm toán, dẫn đến chi phí quản lý giảm, vì vậy lợi nhuận tăng so với trước kiểm toán.

Trên đây là giải trình của Công ty chúng tôi về sự chênh lệch lợi nhuận sau thuế trước và sau kiểm toán của BCTC tổng hợp năm 2025.

Trân trọng./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lưu: VT, KT.

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
CÔNG TY  
CỔ PHẦN  
TƯ VẤN XÂY DỰNG  
ĐIỆN 3  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH  
Lạc Thái Phước